

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu Liên đội mạnh cấp thành phố, năm học 2023 - 2024

HỘI ĐỒNG ĐỘI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Điều lệ và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đội TNTP Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Hướng dẫn số 159-HD/HĐĐ ngày 22/5/2024 của Hội đồng Đội thành phố về việc tổng kết công tác Đội và phong trào thiếu nhi, năm học 2023 - 2024;
- Căn cứ Công văn đề nghị công nhận danh hiệu Liên đội mạnh cấp thành phố, năm học 2023 - 2024 của Ban Thường vụ Đoàn - Hội đồng Đội các quận, huyện;
- Căn cứ thành tích của các Liên đội trong năm học 2023 - 2024;
- Theo đề nghị của Văn phòng Hội đồng Đội thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu “Liên đội mạnh cấp thành phố, năm học 2023 - 2024” cho 305 Liên đội.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Văn phòng Hội đồng Đội thành phố, Hội đồng Đội các quận, huyện và các Liên đội có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VP, TTNTH.

TM. HỘI ĐỒNG ĐỘI THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Lê Khắc Nguyên Anh



DANH SÁCH

Các Liên đội mạnh cấp thành phố, năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số 169-QĐ/HĐĐ ngày 20/6/2024 của Hội đồng Đội thành phố)

| TT | Đơn vị | Liên đội |
|-----|----------------|-------------------------|
| 1. | Quận Ngô Quyền | TH Quang Trung |
| 2. | | TH Trần Quốc Toàn |
| 3. | | TH Thái Phiên |
| 4. | | TH Nguyễn Thượng Hiền |
| 5. | | TH Chu Văn An |
| 6. | | TH Nguyễn Du |
| 7. | | TH Nguyễn Khuyến |
| 8. | | TH Kim Đồng |
| 9. | | TH Nguyễn Trãi |
| 10. | | TH Đăng Giang |
| 11. | | TH Lê Hồng Phong |
| 12. | | THCS Quang Trung |
| 13. | | THCS Đà Nẵng |
| 14. | | THCS Lạc Viên |
| 15. | | THCS Nguyễn Đình Chiểu |
| 16. | | THCS Chu Văn An |
| 17. | | THCS Lý Tự Trọng |
| 18. | | THCS Lê Hồng Phong |
| 19. | | THCS An Đà |
| 20. | Quận Lê Chân | TH Nguyễn Thị Minh Khai |
| 21. | | TH Trần Hưng Đạo |
| 22. | | TH Vĩnh Niệm |
| 23. | | TH Tân Trào |
| 24. | | TH Nguyễn Văn Tố |
| 25. | | TH Lê Văn Tám |
| 26. | | TH Nguyễn Công Trứ |
| 27. | | TH Nguyễn Đức Cảnh |
| 28. | | TH Võ Thị Sáu |
| 29. | | TH Trưng Vương |
| 30. | | TH Dư Hàng |


ml

| | | |
|-----|-----------------------|-----------------------|
| 31. | | TH Dư Hàng Kênh |
| 32. | | THCS Hoàng Diệu |
| 33. | | THCS Vĩnh Niệm |
| 34. | | THCS Lê Chân |
| 35. | | THCS Tô Hiệu |
| 36. | | THCS Ngô Quyền |
| 37. | | THCS Trần Phú |
| 38. | | THCS Trương Công Định |
| 39. | | THCS Võ Thị Sáu |
| 40. | | THCS Nguyễn Bá Ngọc |
| 41. | | THCS Dư Hàng Kênh |
| 42. | Quận Hồng Bàng | TH Hùng Vương |
| 43. | | TH Đinh Tiên Hoàng |
| 44. | | TH Nguyễn Trãi |
| 45. | | TH Trần Văn Ôn |
| 46. | | TH Nguyễn Tri Phương |
| 47. | | TH Ngô Gia Tự |
| 48. | | TH Nguyễn Huệ |
| 49. | | TH Quán Toan |
| 50. | | TH Bạch Đằng |
| 51. | | THCS Hùng Vương |
| 52. | | THCS Bạch Đằng |
| 53. | | THCS Quán Toan |
| 54. | | THCS Trần Văn Ôn |
| 55. | | THCS Hồng Bàng |
| 56. | | THCS Nguyễn Trãi |
| 57. | | THCS Ngô Gia Tự |
| 58. | | Quận Kiến An |
| 59. | TH Ngọc Sơn | |
| 60. | TH Trần Thành Ngọ | |
| 61. | TH Trần Quốc Toản | |
| 62. | TH Đông Hoà | |
| 63. | TH Lý Tự Trọng | |
| 64. | TH Thực Hành | |
| 65. | TH Quán Trữ | |
| 66. | TH Quang Trung | |
| 67. | TH Nguyễn Du | |
| 68. | TH Kim Đồng | |
| 69. | TH Nam Hà | |
| 70. | THCS Trần Phú | |
| 71. | THCS Đông Hoà | |

| | | |
|------|------------------------|------------------------|
| 72. | | THCS Nam Hà |
| 73. | | THCS Lương Khánh Thiện |
| 74. | | THCS Bắc Hà |
| 75. | | THCS Bắc Sơn |
| 76. | | THCS Trần Hưng Đạo |
| 77. | Quận Hải An | TH Cát Bi |
| 78. | | TH Đằng Lâm |
| 79. | | TH Nam Hải |
| 80. | | TH Tràng Cát |
| 81. | | TH Đằng Hải |
| 82. | | TH Đông Hải 1 |
| 83. | | TH Thành Tô |
| 84. | | THCS Đằng Lâm |
| 85. | | THCS Nam Hải |
| 86. | | THCS Đằng Hải |
| 87. | | THCS Tràng Cát |
| 88. | | THCS Đông Hải |
| 89. | | THCS Lê Lợi |
| 90. | | PT Hermann Gmeiner |
| 91. | TH & THCS Đông Hải 2 | |
| 92. | Quận Dương Kinh | TH Anh Dũng |
| 93. | | TH Hải Thành |
| 94. | | TH Hưng Đạo |
| 95. | | THCS Hoà Nghĩa |
| 96. | | THCS Đa Phúc |
| 97. | | TH & THCS Tân Thành |
| 98. | Quận Đồ Sơn | TH Ngọc Hải |
| 99. | | TH Vạn Sơn |
| 100. | | TH Ngọc Xuyên |
| 101. | | TH Bàng La |
| 102. | | TH Hợp Đức |
| 103. | | THCS Ngọc Hải |
| 104. | | THCS Vạn Sơn |
| 105. | | THCS Hợp Đức |
| 106. | | THCS Bàng La |
| 107. | | TH & THCS Vạn Hương |
| 108. | Huyện An Lão | TH An Thắng |
| 109. | | TH An Tiến |
| 110. | | TH Bát Trang |
| 111. | | TH Quang Trung |
| 112. | | TH Quốc Tuấn |
| 113. | | TH Tân Dân |
| 114. | | TH Thị trấn An Lão |

| | | |
|------|-----------------------|----------------------------------|
| 115. | | TH Trường Sơn |
| 116. | | TH Trường Thọ |
| 117. | | THCS An Tiến |
| 118. | | THCS Bát Trang |
| 119. | | THCS Lương Khánh Thiện |
| 120. | | THCS Mỹ Đức |
| 121. | | THCS Quang Trung |
| 122. | | THCS Quốc Tuấn |
| 123. | | THCS Tân Thắng |
| 124. | | THCS Tân Viên |
| 125. | | THCS Thái Sơn |
| 126. | | THCS Trường Sơn |
| 127. | | THCS Trường Thọ |
| 128. | | TH & THCS Trường Thành |
| 129. | | TH & THCS Lê Khắc Cần |
| 130. | | TH & THCS Chiến Thắng |
| 131. | Huyện Vĩnh Bảo | TH Tân Liên |
| 132. | | TH Liên Am – Lý Học |
| 133. | | TH Nhân Hoà |
| 134. | | TH Thị trấn Vĩnh Bảo |
| 135. | | TH Tam Cường |
| 136. | | TH Trần Dương |
| 137. | | TH Giang Biên |
| 138. | | TH Vĩnh An |
| 139. | | TH Tam Đa |
| 140. | | TH Trung Lập |
| 141. | | TH Cộng Hiền |
| 142. | | TH Vinh Quang |
| 143. | | TH Thanh Lương |
| 144. | | TH Vĩnh Phong – Tiền Phong |
| 145. | | TH Vĩnh Long – Thắng Thủy |
| 146. | | TH Vĩnh Tiến – Cổ Am |
| 147. | | THCS Nhân Hoà – Tam Đa |
| 148. | | THCS Việt Tiến – Tân Lập |
| 149. | | THCS Lý Học – Liên Am – Cao Minh |
| 150. | | THCS Vĩnh An – Tân Liên |
| 151. | | THCS An Hoà |
| 152. | | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 153. | | THCS Thắng Thủy - Vĩnh Long |
| 154. | | THCS Dũng Tiến |
| 155. | | THCS Hiệp Hoà – Hùng Tiến |
| 156. | | THCS Giang Biên |

| | | |
|------|-------------------|--------------------|
| 157. | | TH Kiên Bái |
| 158. | | TH Thiên Hương |
| 159. | | TH Đông Sơn |
| 160. | | TH Thuỷ Đường |
| 161. | | TH Kênh Giang |
| 162. | | TH Núi Đèo |
| 163. | | TH Hoàng Động |
| 164. | | TH Cao Nhân |
| 165. | | TH Kỳ Sơn |
| 166. | | TH Minh Tân |
| 167. | | TH Hoà Bình |
| 168. | | TH Chính Mỹ |
| 169. | | TH Mỹ Động |
| 170. | | TH Quảng Thanh |
| 171. | | TH Thuỷ Sơn |
| 172. | | TH An Sơn |
| 173. | | TH Thuỷ Triều |
| 174. | | TH Phù Ninh |
| 175. | | TH Hoa Động |
| 176. | | TH Liên Khê |
| 177. | | TH Lưu Kiếm |
| 178. | Huyện Thuỷ Nguyên | TH Lập Lễ |
| 179. | | TH Ngũ Lão |
| 180. | | TH Dương Quan |
| 181. | | TH Lại Xuân |
| 182. | | TH An Lư |
| 183. | | TH Gia Minh |
| 184. | | TH Hợp Thành |
| 185. | | TH Gia Đức |
| 186. | | TH Tam Hưng |
| 187. | | TH Trung Hà |
| 188. | | THCS Trần Hưng Đạo |
| 189. | | THCS Kỳ Sơn |
| 190. | | THCS Tam Hưng |
| 191. | | THCS Hoàng Động |
| 192. | | THCS Chính Mỹ |
| 193. | | THCS Lưu Kiếm |
| 194. | | THCS Nguyễn Văn Cừ |
| 195. | | THCS Cao Nhân |
| 196. | | THCS Hoà Bình |
| 197. | | THCS Lập Lễ |
| 198. | | THCS Ngũ Lão |
| 199. | | THCS Lâm Động |



| | | |
|------|------------------------|-----------------------------|
| 200. | | THCS Hợp Thành |
| 201. | | THCS Thiên Hương |
| 202. | | THCS Phan Chu Trinh |
| 203. | | THCS Hoa Động |
| 204. | | THCS Quảng Thanh |
| 205. | | THCS An Lư |
| 206. | | THCS Minh Đức |
| 207. | | THCS Thủy Đường |
| 208. | | THCS Dương Quan |
| 209. | | THCS Phả Lễ |
| 210. | | THCS Trần Nhật Duật |
| 211. | | THCS Tân Dương |
| 212. | | THCS Minh Tân |
| 213. | | THCS Phục Lễ |
| 214. | | THCS Kiên Bái |
| 215. | | THCS Mỹ Đồng |
| 216. | | THCS Lại Xuân |
| 217. | Huyện Kiến Thụy | TH Thị trấn Núi Đồi |
| 218. | | TH Kiến Quốc |
| 219. | | TH Ngũ Phúc |
| 220. | | TH Đại Hà |
| 221. | | TH Tân Trào |
| 222. | | TH Ngũ Đoan |
| 223. | | TH Đoàn Xá |
| 224. | | TH Đại Hợp |
| 225. | | TH Tú Sơn |
| 226. | | TH Minh Tân |
| 227. | | TH Đại Đồng |
| 228. | | TH Thuận Thiên |
| 229. | | TH Hữu Bằng |
| 230. | | THCS Đại Hà |
| 231. | | THCS Thị trấn Núi Đồi |
| 232. | | THCS Kiến Quốc |
| 233. | | THCS Ngũ Đoan |
| 234. | | THCS Đại Hợp |
| 235. | | THCS Tú Sơn |
| 236. | | THCS Hữu Bằng |
| 237. | | THCS Ngũ Phúc |
| 238. | | THCS Minh Tân |
| 239. | | THCS Đại Đồng – Đông Phương |
| 240. | | THCS Tân Trào |
| 241. | | THCS Đoàn Xá |
| 242. | | THCS Thuận Thiên |

| | | |
|------|------------------------|------------------------------|
| 243. | | TH & THCS Thuy Hương |
| 244. | | TH & THCS Thanh Sơn |
| 245. | | TH & THCS Tân Phong |
| 246. | | TH & THCS Du Lễ |
| 247. | Huyện Tiên Lãng | TH Đại Thắng |
| 248. | | TH Quyết Tiến |
| 249. | | TH Thị trấn Tiên Lãng |
| 250. | | TH Minh Đức |
| 251. | | TH Cấp Tiến |
| 252. | | TH Bạch Đằng |
| 253. | | TH Đoàn Lập |
| 254. | | TH Kiến Thiết |
| 255. | | TH Quang Phục |
| 256. | | TH Toàn Thắng – Tiên Thắng |
| 257. | | TH Tiên Minh |
| 258. | | TH Bắc Hưng |
| 259. | | TH Nam Hưng |
| 260. | | TH Đông Hưng |
| 261. | | TH Tây Hưng |
| 262. | | TH Hùng Thắng |
| 263. | | TH Vinh Quang |
| 264. | | TH Tiên Cường |
| 265. | | THCS Tiên Cường |
| 266. | | THCS Tự Cường |
| 267. | | THCS Khởi Nghĩa |
| 268. | | THCS Tiên Thanh |
| 269. | | THCS Thị trấn Tiên Lãng |
| 270. | | THCS Cấp Tiến – Bạch Đằng |
| 271. | | THCS Đoàn Lập |
| 272. | | THCS Kiến Thiết |
| 273. | | THCS Quang Phục |
| 274. | | THCS Tiên Thắng – Toàn Thắng |
| 275. | | THCS Tiên Minh |
| 276. | | THCS Đông Tây Hưng |
| 277. | | THCS Chân Hưng |
| 278. | | THCS Hùng Thắng |
| 279. | | THCS Vinh Quang |
| 280. | | THCS Đại Thắng |
| 281. | Huyện An Dương | TH An Dương |
| 282. | | TH An Hoà |
| 283. | | TH An Đồng |
| 284. | | TH An Hồng |
| 285. | | TH Bắc Sơn |

mh

| | | |
|------|----------------------|-----------------------|
| 286. | | TH Đồng Thái |
| 287. | | TH Hồng Phong |
| 288. | | TH Lê Thiện |
| 289. | | TH Nam Sơn |
| 290. | | TH Tân Tiến |
| 291. | | TH Đại Bản I |
| 292. | | TH Đại Bản II |
| 293. | | THCS Lê Lợi |
| 294. | Huyện Cát Hải | TH Chu Văn An |
| 295. | | TH Nguyễn Văn Trỗi |
| 296. | | TH Đoàn Đức Thái |
| 297. | | THCS Thị trấn Cát Bà |
| 298. | | THCS Thị trấn Cát Hải |
| 299. | | TH & THCS Văn Phong |
| 300. | | TH & THCS Phù Long |
| 301. | | TH & THCS Hoàng Châu |
| 302. | | TH & THCS Nghĩa Lộ |
| 303. | | TH & THCS Hà Sen |
| 304. | | TH & THCS Hiền Hào |
| 305. | | TH & THCS Xuân Đám |

* Danh sách gồm 305 Liên đội./.

mh